

Ngày 01 tháng 03 năm 2016

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY  
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

**Kính gửi : - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Mã chứng khoán: **SVI**

Địa chỉ trụ sở chính: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 061. 3836121

Fax: 061.3832939

Người thực hiện công bố thông tin: **NGUYỄN HOÀNG**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0909020436

Fax: 061. 3832939

Loại thông tin công bố  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ

Nội dung thông tin công bố :

- Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 01/03/2015 tại đường dẫn <http://www.sovi.com.vn> vào mục quan hệ cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- Bản cung cấp thông tin

**Đại diện tổ chức  
Người đại diện theo pháp luật/Người CBTT**

  
**NGUYỄN HOÀNG**



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ  
BIÊN HÒA**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015**



## MỤC LỤC

---

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	01 - 02
Báo cáo kiểm toán độc lập	03 - 04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2015	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	08 - 09
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 40
<u>Phụ lục 1</u> : Chi tiết số dư các khoản công nợ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015	41

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### 1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000057 ngày 14 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600648493 ngày 14 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường số 7, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn đầu tư và vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 128.324.370.000 VND.

### 2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lê Quốc Tuyên	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Điều	Phó Chủ tịch
Ông Trần Trang Bình	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Ngân	Thành viên
Ông Đặng Ngọc Diệp	Thành viên
Ông Hoàng Ngọc Lựu	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Trần Hữu Đức	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Toàn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lê Quốc Tuyên	Giám đốc
Ông Phạm Văn Điều	Phó Giám đốc
Ông Trần Trang Bình	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thanh Ngân	Phó Giám đốc



## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

### 3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

### 4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

### 5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2016

Thay mặt Ban Giám đốc

**GIÁM ĐỐC**



**LÊ QUỐC TUYẾN**



Số: 16.145/BCKT-DTL

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Các thành viên Ban Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

### Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 02 năm 2016 từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2016

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL**  
**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**LỤC THỊ VÂN**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0172-2013-026-1

**KIỂM TOÁN VIÊN**



**HUỲNH THỊ NGỌC TRINH**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2124-2013-026-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>541.773.547.673</b>	<b>466.448.019.126</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	(5.1)	<b>119.668.750.027</b>	<b>82.194.459.355</b>
1. Tiền	111		34.668.750.027	15.194.459.355
2. Các khoản tương đương tiền	112		85.000.000.000	67.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>288.444.733.715</b>	<b>234.468.778.701</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.2)	281.892.155.608	231.562.957.160
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	(5.3)	4.757.080.439	895.708.393
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	(5.4)	2.352.141.984	2.148.170.788
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(556.644.316)	(138.057.640)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>132.683.672.400</b>	<b>149.710.195.855</b>
1. Hàng tồn kho	141	(5.6)	132.683.672.400	149.710.195.855
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>976.391.531</b>	<b>74.585.215</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(5.12)	976.391.531	74.585.215
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>217.021.644.749</b>	<b>202.937.223.035</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.278.576.000</b>	<b>2.195.970.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	(5.4)	2.278.576.000	2.195.970.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>136.674.196.344</b>	<b>152.764.563.140</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.7)	117.984.545.433	133.270.141.494
Nguyên giá	222		375.224.407.061	367.585.594.856
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(257.239.861.628)	(234.315.453.362)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	(5.8)	18.689.650.911	19.494.421.646
Nguyên giá	225		35.235.817.028	29.390.578.850
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(16.546.166.117)	(9.896.157.204)
3. Tài sản cố định vô hình	227	(5.9)		
Nguyên giá	228		1.471.867.089	1.471.867.089
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.471.867.089)	(1.471.867.089)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	(5.10)	<b>35.150.786.292</b>	<b>694.444.681</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		35.150.786.292	694.444.681
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	(5.11)	<b>4.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.000.000.000	4.000.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>38.918.086.113</b>	<b>43.282.245.214</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.12)	36.829.541.073	37.121.145.696
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	(6.10)	2.088.545.040	6.161.099.518
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>758.795.192.422</b>	<b>669.385.242.161</b>

(Phần tiếp theo ở trang 6)



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>464.396.287.029</b>	<b>397.921.393.556</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>398.296.316.857</b>	<b>333.385.642.522</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.13)	162.885.662.021	131.953.013.064
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		45.034.263	4.695.804
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.14)	3.989.318.053	6.888.033.769
4. Phải trả người lao động	314	(5.15)	26.517.076.252	16.259.647.602
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(5.16)	6.720.294.835	4.421.466.852
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.17)	13.987.756.644	1.269.575.404
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(5.20)	174.703.460.565	168.662.782.126
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(5.18)	9.447.714.224	3.926.427.901
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>66.099.970.172</b>	<b>64.535.751.034</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	(5.20)	55.657.244.972	55.913.659.379
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	(5.19)	10.442.725.200	8.622.091.655
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>294.398.905.393</b>	<b>271.463.848.605</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	(5.21.1)	<b>294.398.905.393</b>	<b>271.463.848.605</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.21.2)	128.324.370.000	106.978.420.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(408.640.209)	(408.640.209)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		55.660.181.630	41.794.947.863
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		110.822.993.972	123.099.120.951
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		90.629.186.605	123.099.120.951
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		20.193.807.367	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>758.795.192.422</b>	<b>669.385.242.161</b>

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BP. TÀI CHÍNH

GIÁM ĐỐC



LÝ PHÁT



NGUYỄN HOÀNG



LÊ QUỐC TUYẾN

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(6.1)	1.341.455.858.705	1.130.739.726.982
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		73.165.494	38.585.826
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.341.382.693.211	1.130.701.141.156
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	1.170.063.704.846	975.754.074.868
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		171.318.988.365	154.947.066.288
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	4.260.353.865	4.050.674.861
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	12.511.857.955	13.038.116.555
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		10.208.062.923	11.648.613.907
8. Chi phí bán hàng	25	(6.5)	62.062.287.783	56.825.621.653
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(6.6)	18.558.400.056	15.469.392.227
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		82.446.796.436	73.664.610.714
11. Thu nhập khác	31	(6.7)	2.803.385.622	2.859.267.437
12. Chi phí khác	32		1.172.845.808	1.115.080.129
13. Lợi nhuận khác	40		1.630.539.814	1.744.187.308
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		84.077.336.250	75.408.798.022
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.9)	10.678.612.936	10.469.875.684
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(6.10)	4.072.554.478	620.110.537
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		69.326.168.836	64.318.811.801
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(5.21.5)	5.175	4.801
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(5.21.5)	5.175	4.801

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2016

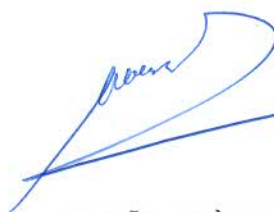
NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BP. TÀI CHÍNH

GIÁM ĐỐC



LÝ PHÁT



NGUYỄN HOÀNG



LÊ QUỐC TUYẾN



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		84.077.336.250	75.408.798.022
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		30.892.512.867	28.082.321.313
Các khoản dự phòng	03		2.239.220.221	35.485.016
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(30.762.220)	281.359.505
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.728.766.236)	(3.929.393.353)
Chi phí lãi vay	06		10.208.062.923	11.648.613.907
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		122.657.603.805	111.527.184.410
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(49.039.880.799)	(39.211.895.060)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		17.026.523.455	(19.562.624.595)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		36.532.009.992	(15.713.962.418)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(627.920.693)	2.994.535.278
Tiền lãi vay đã trả	14		(9.965.219.503)	(11.701.823.131)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(12.473.241.570)	(8.969.965.445)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(5.332.198.746)	(2.493.455.032)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>98.777.675.941</b>	<b>16.867.994.007</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(44.067.469.260)	(4.253.898.996)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		550.454.545	
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.823.901.135	3.855.448.909
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(39.693.113.580)</b>	<b>(398.450.087)</b>

*(Phần tiếp theo ở trang 9)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		743.425.017.159	633.474.113.654
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(737.161.395.807)	(618.217.405.787)
3. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(6.569.150.580)	(1.958.297.971)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(21.346.909.000)	(21.347.084.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(21.652.438.228)</b>	<b>(8.048.674.104)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>37.432.124.133</b>	<b>8.420.869.816</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>82.194.459.355</b>	<b>73.767.750.198</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		42.166.539	5.839.341
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>		<b>119.668.750.027</b>	<b>82.194.459.355</b>

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BP. TÀI CHÍNH

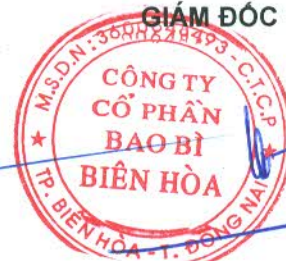
GIÁM ĐỐC



LÝ PHÁT



NGUYỄN HOÀNG



LÊ QUỐC TUYÊN



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000057 ngày 14 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600648493 ngày 14 tháng 09 năm 2015.

Ngày 04 tháng 12 năm 2008, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán số 1662/TB-TTLK ngày 04/12/2008. Ngày 22 tháng 12 năm 2008, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Quyết định số 503/QĐ-TTGDHN ngày 09 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Ngày 14 tháng 02 năm 2012, Công ty chính thức hủy niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 31/QĐ-SGDHN. Ngày 12 tháng 03 năm 2012, Công ty chính thức được niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 17/2012/QĐ-SGDHCM ngày 05 tháng 03 năm 2012.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 128.324.370.000 VND, được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	68.803.930.000	54%	57.336.610.000	54%	
Đối tượng khác	59.520.440.000	46%	49.641.810.000	46%	
<b>Cộng</b>	<b>128.324.370.000</b>	<b>100%</b>	<b>106.978.420.000</b>	<b>100%</b>	

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường số 7, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 787 (31/12/2014: 791).

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất giấy;
- Bán buôn nguyên vật liệu sản xuất bao bì và giấy;
- In ấn.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

### **1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

### **1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2015 gồm:

<b>Tên</b>	<b>Địa chỉ</b>
Chi nhánh Mỹ Phước	Lô B_6A_CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 46211000796 ngày 11 tháng 01 năm 2011 do Ban quản lý các khu công nghiệp Tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 22 tháng 05 năm 2014.
Văn phòng đại diện	Số 20 Lý Tự Trọng, Phường An Cư, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

## **2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

### **2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

## **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

### **3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam**

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong năm Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán và các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.2 dưới đây.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

### **4.1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

### **4.2. Áp dụng các Chuẩn mực và Hướng dẫn kế toán mới**

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (TT200).

TT200 yêu cầu trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa TT200 và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính. Do đó, Công ty đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành như đã nêu tại mục 4.25.

### **4.3. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **4.4. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

### **4.5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

### **4.6. Nợ phải thu**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

### ***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi***

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **4.7. Hàng tồn kho**

##### ***Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua. Khi mua hàng tồn kho nếu được nhận kèm thêm sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi chi phí mua của hàng tồn kho.

##### ***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### ***Phương pháp hạch toán hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

##### ***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

#### **4.8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc, thiết bị; bản quyền phần mềm;... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.



## CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 1 năm đến 2 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc, thiết bị phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ từ 1 năm đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí bản quyền Microsoft được phân bổ 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

### 4.9. Tài sản cố định hữu hình

#### ***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

#### ***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<b><u>Năm 2015</u></b>
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
+ Máy móc thiết bị	05 - 07 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04 năm
+ Tài sản cố định khác	04 năm

### 4.10. Tài sản cố định vô hình

#### ***Ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

#### ***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

##### ***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Thời gian khấu hao ước tính cho phần mềm máy vi tính là 03 năm.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

### **4.11. Thuê tài sản**

#### ***Phân loại thuê tài sản***

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

#### ***Thuê tài chính***

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc theo thời hạn thuê với thời gian khấu hao là 5 năm.

### **4.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

### **4.13. Đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác***

#### ***Đầu tư khác***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

#### ***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính***

#### ***Đối với các khoản đầu tư khác***

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

### 4.14. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

### 4.15. Chi phí phải trả và dự phòng phải trả

#### *Chi phí phải trả*

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả như chi phí vận chuyển; chi phí gia công; chi phí lãi vay,... được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

#### *Dự phòng phải trả*

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

### 4.16. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tất toán trong năm 2012.

### 4.17. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

#### *Cổ phiếu quỹ*

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

### ***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

### ***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ Công ty.

Quỹ đầu tư phát triển được trích bằng 20% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích bằng 15% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

### ***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### **4.18. Doanh thu, thu nhập khác**

##### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

##### ***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

##### ***Thu nhập đầu tư***

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### **4.19. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

#### **4.20. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

#### **4.21. Chi phí tài chính**

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính.

#### **4.22. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

### 4.23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### 4.24. Thuế

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

*Chi phí thuế TNDN hoãn lại*

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

*Ưu đãi, miễn giảm thuế*

Theo Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2003 và Thông tư số 88/2004/TT-BTC ngày 01 tháng 09 năm 2004 của Bộ Tài Chính, Trụ sở chính được miễn thuế 3 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2004) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo với thuế suất ưu đãi là 15% trong 12 năm.

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế suất là 10%.

#### **Các loại thuế khác**

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 4.25. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC (TT200) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp:

#### Bảng cân đối kế toán (Trích)

	VND	
	Đầu năm	Đầu năm
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác	2.148.170.788	1.860.345.388
Tài sản ngắn hạn khác	-	287.825.400
Phải thu dài hạn khác	2.195.970.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Tài sản ngắn hạn khác	-	2.195.970.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	4.421.466.852	13.043.558.507
Dự phòng phải trả dài hạn	8.622.091.655	-
Quỹ đầu tư phát triển	41.794.947.863	31.097.105.863
Quỹ dự phòng tài chính	-	10.697.842.000

**Báo cáo kết quả kinh doanh (Trích)****VND**

	<b>Đầu năm</b>	<b>Đầu năm</b>
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.801	5.122

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 được hồi tố lại do Công ty phát hành cổ phiếu thưởng để tăng vốn điều lệ trong năm 2015 từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho cổ đông hiệu hữu với tỷ lệ 20%.

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Trích)****VND**

	<b>Đầu năm</b>	<b>Đầu năm</b>
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(4.253.898.996)	(20.245.294.690)
Tiền thu từ đi vay	633.474.113.654	649.465.509.348

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Tên chỉ tiêu	TT200	CMKT & Chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ15/2006/QĐ-BTC
Tạm ứng, ký quỹ ký cược ngắn hạn	Trình bày là phải thu ngắn hạn khác	Trình bày là tài sản ngắn hạn khác
Ký quỹ ký cược dài hạn	Trình bày là phải thu dài hạn khác	Trình bày là tài sản dài hạn khác
Quỹ dự phòng tài chính	Trình bày là quỹ đầu tư phát triển	Trình bày là quỹ dự phòng tài chính

*(Phần tiếp theo ở trang 20)*



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	19.613.629	48.819.350
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	34.649.136.398	15.145.640.005
Các khoản tương đương tiền	85.000.000.000	67.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>119.668.750.027</u></b>	<b><u>82.194.459.355</u></b>

Tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

**5.2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Liên doanh Unilever Việt Nam	67.801.091.142	45.242.957.489
Các khách hàng khác	214.091.064.466	186.319.999.671
<b>Cộng</b>	<b><u>281.892.155.608</u></b>	<b><u>231.562.957.160</u></b>

Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan  
- Xem thêm mục 9:

Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	1.539.029.250	494.779.010
---	---------------	-------------

Giá trị các khoản phải thu đang được thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng là 90 tỷ đồng và 5.000.000 USD - Xem thêm mục 5.20.

**5.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH Sunrise Pacific	2.680.800.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Liên Phát	1.778.350.000	-
Các người bán khác	297.930.439	895.708.393
<b>Cộng</b>	<b><u>4.757.080.439</u></b>	<b><u>895.708.393</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**5.4. Phải thu khác**

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu người lao động	205.000.000	-	287.825.400	-
Thuế giá trị gia tăng máy in 3 màu	1.710.220.984	-	1.753.613.985	-
Lãi tiền gửi	428.355.000	-	73.944.444	-
Phải thu khác	8.566.000	-	32.786.959	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.352.141.984</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>2.148.170.788</u></b>	<b><u>-</u></b>
Dài hạn:				
Ký quỹ thuê tài sản thuê tài chính	2.266.476.000	-	2.183.870.000	-
Ký quỹ khác	12.100.000	-	12.100.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.278.576.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>2.195.970.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

**5.5. Nợ xấu**

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc nhưng khó có khả năng thu hồi	1.074.540.810	517.896.494	353.737.020	215.679.380

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	VND					
	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Mỹ Đức	308.698.350	120.642.222	Trên 1 năm	215.287.120	150.700.984	Trên 6 tháng
Công ty CP Nước Khoáng Vital	423.504.740	211.752.370	Trên 1 năm	-	-	
Các khách hàng khác	342.337.720	185.501.902	Trên 6 tháng	138.449.900	64.978.396	Trên 6 tháng
<b>Cộng</b>	<b><u>1.074.540.810</u></b>	<b><u>517.896.494</u></b>		<b><u>353.737.020</u></b>	<b><u>215.679.380</u></b>	



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**5.6. Hàng tồn kho**

VND

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	3.896.454.032	-	16.502.873.905	-
Nguyên liệu, vật liệu	118.133.833.597	-	118.932.801.729	-
Công cụ, dụng cụ	192.300.533	-	547.312.955	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.055.954.010	-	4.514.113.118	-
Thành phẩm	6.405.130.228	-	9.213.094.148	-
<b>Cộng</b>	<b>132.683.672.400</b>	<b>-</b>	<b>149.710.195.855</b>	<b>-</b>

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng tại thời điểm cuối năm là 3.000.000 USD - Xem thêm mục 5.20.

(Phần tiếp theo ở trang 23)



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	VND					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số dư đầu năm	131.826.534.254	218.455.332.662	10.228.432.316	6.601.599.806	473.695.818	367.585.594.856
Mua trong năm	505.658.251	8.330.309.642	-	120.940.000	-	8.956.907.893
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.318.095.688)	-	-	-	(1.318.095.688)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>132.332.192.505</u></b>	<b><u>225.467.546.616</u></b>	<b><u>10.228.432.316</u></b>	<b><u>6.722.539.806</u></b>	<b><u>473.695.818</u></b>	<b><u>375.224.407.061</u></b>
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số dư đầu năm	32.042.389.500	187.900.137.873	8.327.563.531	5.666.882.353	378.480.105	234.315.453.362
Khấu hao trong năm	5.475.181.813	17.145.640.976	672.135.018	877.892.932	71.653.215	24.242.503.954
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.318.095.688)	-	-	-	(1.318.095.688)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>37.517.571.313</u></b>	<b><u>203.727.683.161</u></b>	<b><u>8.999.698.549</u></b>	<b><u>6.544.775.285</u></b>	<b><u>450.133.320</u></b>	<b><u>257.239.861.628</u></b>
Giá trị còn lại:						
Tại ngày đầu năm	99.784.144.754	30.555.194.789	1.900.868.785	934.717.453	95.215.713	133.270.141.494
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b><u>94.814.621.192</u></b>	<b><u>21.739.863.455</u></b>	<b><u>1.228.733.767</u></b>	<b><u>177.764.521</u></b>	<b><u>23.562.498</u></b>	<b><u>117.984.545.433</u></b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp cho các khoản vay là 145.003.042.725 đồng - Xem thêm mục 5.20.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 151.644.085.395 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**5.8. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	<b>VND</b>
Khoản mục	Máy móc, thiết bị
Nguyên giá:	
Số dư đầu năm	29.390.578.850
Thuê tài chính trong năm	5.845.238.178
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>35.235.817.028</u></b>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số dư đầu năm	9.896.157.204
Khấu hao trong năm	6.650.008.913
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>16.546.166.117</u></b>
Giá trị còn lại:	
Tại ngày đầu năm	19.494.421.646
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b><u>18.689.650.911</u></b>

**5.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<b>VND</b>			
Khoản mục	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số dư đầu năm	232.020.000	1.184.179.200	55.667.889	1.471.867.089
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>232.020.000</u></b>	<b><u>1.184.179.200</u></b>	<b><u>55.667.889</u></b>	<b><u>1.471.867.089</u></b>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số dư đầu năm	232.020.000	1.184.179.200	55.667.889	1.471.867.089
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>232.020.000</u></b>	<b><u>1.184.179.200</u></b>	<b><u>55.667.889</u></b>	<b><u>1.471.867.089</u></b>
Giá trị còn lại:				
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

### 5.10. Tài sản dở dang dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:		
Chi phí đầu tư máy in Offset 6 màu	29.907.328.182	-
Chi phí đầu tư máy bẻ Offset	4.167.543.110	-
Chi phí khác	1.075.915.000	694.444.681
<b>Cộng</b>	<b><u>35.150.786.292</u></b>	<b><u>694.444.681</u></b>

### 5.11. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Tam Phước với số tiền là 4 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ góp vốn là 1%.

### 5.12. Chi phí trả trước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Ngắn hạn:		
Chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc, thiết bị	707.893.152	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	261.965.044	56.866.215
Các khoản khác	6.533.335	17.719.000
<b>Cộng</b>	<b><u>976.391.531</u></b>	<b><u>74.585.215</u></b>

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Dài hạn:		
Chi phí thuê đất tại Lô B_6A_CN, KCN Mỹ Phước 3, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	34.538.898.853	35.402.371.320
Chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc, thiết bị	1.274.277.000	932.482.388
Công cụ dụng cụ xuất dùng	212.396.125	649.966.095
Bản quyền phần mềm Microsoft	781.406.595	-
Các khoản khác	22.562.500	136.325.893
<b>Cộng</b>	<b><u>36.829.541.073</u></b>	<b><u>37.121.145.696</u></b>

Chi phí thuê đất tại Lô B\_6A\_CN, KCN Mỹ Phước 3, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương đã dùng để thế chấp cho các khoản vay - Xem thêm mục 5.20.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**5.13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
	Công ty TNHH Giấy Chánh Dương	42.658.901.615	42.658.901.615	40.540.423.991	40.540.423.991
Công ty Hiang Seng Fibre Container	37.192.368.902	37.192.368.902	39.057.119.405	39.057.119.405	
Công ty TNHH Giấy Vina Kraft	23.920.203.184	23.920.203.184	5.897.492.316	5.897.492.316	
Công ty Cổ Phần Giấy An Bình	21.929.880.170	21.929.880.170	23.705.727.650	23.705.727.650	
Phải trả cho các người bán khác	37.184.308.150	37.184.308.150	22.752.249.702	22.752.249.702	
<b>Cộng</b>	<b><u>162.885.662.021</u></b>	<b><u>162.885.662.021</u></b>	<b><u>131.953.013.064</u></b>	<b><u>131.953.013.064</u></b>	

**5.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

				VND
	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
Phải nộp:				
Thuế giá trị gia tăng	2.455.131.400	22.433.221.272	23.999.585.052	888.767.620
Thuế xuất, nhập khẩu	-	3.744.050.716	3.744.050.716	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.654.306.531	10.678.612.936	12.473.241.570	1.859.677.897
Thuế thu nhập cá nhân	778.595.838	9.115.125.678	8.652.848.980	1.240.872.536
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>6.888.033.769</u></b>	<b><u>45.975.010.602</u></b>	<b><u>48.873.726.318</u></b>	<b><u>3.989.318.053</u></b>

**5.15. Phải trả người lao động**

Là quỹ lương năm 2015 còn phải trả cho người lao động.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**5.16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí vận chuyển	4.333.952.270	2.170.000.000
Chi phí gia công	139.547.000	524.975.739
Chi phí lãi vay	454.594.720	211.751.300
Các khoản trích trước khác	1.792.200.845	1.514.739.813
<b>Cộng</b>	<b><u>6.720.294.835</u></b>	<b><u>4.421.466.852</u></b>

**5.17. Phải trả ngắn hạn khác**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	9.184.520	12.183.660
Bảo hiểm xã hội	558.828.743	498.594.222
Bảo hiểm y tế	103.154.447	97.965.057
Bảo hiểm thất nghiệp	45.846.420	43.953.278
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	404.323.377	413.530.295
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	12.808.312.000	175.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	58.107.137	203.173.892
<b>Cộng</b>	<b><u>13.987.756.644</u></b>	<b><u>1.269.575.404</u></b>

**5.18. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	3.926.427.901	10.855.549.115
Trích lập trong năm	10.849.367.671	10.101.099.283
Sử dụng trong năm	(5.328.081.348)	(17.030.220.497)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>9.447.714.224</u></b>	<b><u>3.926.427.901</u></b>

**5.19. Dự phòng phải trả dài hạn**

Là khoản dự phòng chênh lệch tăng giá thuê đất và phí hạ tầng phải trả thêm cho Xí Nghiệp Dịch Vụ KCN Giang Điền - Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp do Công ty chưa thống nhất được đơn giá thuê với đơn vị này.



## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

### 5.20. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm		VND
Ngắn hạn:	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngân hàng	156.628.910.525	156.628.910.525	713.376.697.159	708.161.783.909	151.413.997.275	151.413.997.275	
Vay dài hạn đến hạn trả	10.718.248.870	10.718.248.870	10.718.248.870	11.774.857.600	11.774.857.600	11.774.857.600	
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	7.356.301.170	7.356.301.170	7.356.301.170	5.473.927.251	5.473.927.251	5.473.927.251	
<b>Cộng</b>	<b><u>174.703.460.565</u></b>	<b><u>174.703.460.565</u></b>	<b><u>731.451.247.199</u></b>	<b><u>725.410.568.760</u></b>	<b><u>168.662.782.126</u></b>	<b><u>168.662.782.126</u></b>	
Dài hạn:							
Vay ngân hàng	45.036.707.422	45.036.707.422	23.001.214.331	20.900.014.896	42.935.507.987	42.935.507.987	
Nợ thuê tài chính	10.620.537.550	10.620.537.550	6.903.910.658	9.261.524.500	12.978.151.392	12.978.151.392	
<b>Cộng</b>	<b><u>55.657.244.972</u></b>	<b><u>55.657.244.972</u></b>	<b><u>29.905.124.989</u></b>	<b><u>30.161.539.396</u></b>	<b><u>55.913.659.379</u></b>	<b><u>55.913.659.379</u></b>	

## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Các khoản nợ thuê tài chính - Xem thêm mục 10:

Thời hạn	Năm nay			Năm trước		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	8.576.882.093	1.220.580.923	7.356.301.170	6.869.750.983	1.654.274.991	5.473.927.251
Trên 1 năm đến 5 năm	11.366.494.352	745.956.802	10.620.537.550	14.312.500.465	1.075.897.814	12.978.151.392
Trên 5 năm	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>19.943.376.445</u></b>	<b><u>1.966.537.725</u></b>	<b><u>17.976.838.720</u></b>	<b><u>21.182.251.448</u></b>	<b><u>2.730.172.805</u></b>	<b><u>18.452.078.643</u></b>

Vay ngắn hạn ngân hàng chủ yếu là các khoản vay chịu lãi suất từ 2,1%/năm đến 4,3%/năm. Các khoản vay này phải thế chấp bằng:

- Giá trị các khoản phải thu là 90 tỷ đồng và 5.000.000 USD - Xem thêm mục 5.2.
- Giá trị hàng tồn kho là 3.000.000 USD - Xem thêm mục 5.6.

Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn từ 52 tháng đến 96 tháng với lãi suất được điều chỉnh theo từng thời kỳ. Số dư nợ gốc đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 55.754.956.292 đồng, trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 10.718.248.870 đồng.

Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Nguyên giá của tài sản cố định là 145.003.042.725 đồng - Xem thêm mục 5.7.
- Chi phí thuê đất tại Lô B\_6A\_CN, KCN Mỹ Phước 3, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thuê lại đất số 42/HDLĐ ngày 24 tháng 02 năm 2011 - Xem thêm mục 5.12.

Nợ thuê tài chính là các khoản thuê tài chính máy in Flexo Sunrise 3 màu, máy in Flexo Sunrise 6 màu, máy đóng gấp dán tự động Buffalo Omega – 28 và máy cắt mẫu Esko Kongsber V24 với thời gian sử dụng ước tính theo hợp đồng thuê tài chính từ 3 năm đến 5 năm. Số dư nợ gốc đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 17.976.838.720 đồng, trong đó nợ thuê tài chính đến hạn trả là 7.356.301.170 đồng - Xem thêm mục 10



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**5.21. Vốn chủ sở hữu****5.21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Cộng
Số dư đầu năm trước	106.978.420.000	(408.640.209)	21.449.284.093	102.042.896.500	230.061.960.384
Lãi trong năm trước	-	-	-	64.318.811.801	64.318.811.801
Tăng khác	-	-	8.858.576.321	1.554.308.702	10.412.885.023
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	11.487.087.449	(11.487.087.449)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(10.101.099.283)	(10.101.099.283)
Chia cổ tức	-	-	-	(21.347.084.000)	(21.347.084.000)
Giảm khác	-	-	-	(1.881.625.320)	(1.881.625.320)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>106.978.420.000</b>	<b>(408.640.209)</b>	<b>41.794.947.863</b>	<b>123.099.120.951</b>	<b>271.463.848.605</b>
Tăng vốn trong năm nay	21.345.950.000	-	-	(21.345.950.000)	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	69.326.168.836	69.326.168.836
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	13.865.233.767	(13.865.233.767)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(12.235.891.048)	(12.235.891.048)
Chia cổ tức	-	-	-	(34.155.221.000)	(34.155.221.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>128.324.370.000</b>	<b>(408.640.209)</b>	<b>55.660.181.630</b>	<b>110.822.993.972</b>	<b>294.398.905.393</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

### 5.21.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	68.803.930.000	57.336.610.000
Vốn góp của các đối tượng khác	59.520.440.000	49.641.810.000
<b>Cộng</b>	<b><u>128.324.370.000</u></b>	<b><u>106.978.420.000</u></b>

### 5.21.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
Vốn góp đầu năm	106.978.420.000	106.978.420.000
Vốn góp tăng trong năm	21.345.950.000	-
Vốn góp cuối năm	128.324.370.000	106.978.420.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	34.155.221.000	21.347.084.000

### 5.21.4. Cổ phiếu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.832.437	10.697.842
Số lượng cổ phiếu phổ đã bán ra công chúng:	12.832.437	10.697.842
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	24.300	24.300
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	12.808.137	10.673.542
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.		

### 5.21.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	69.326.168.836	64.318.811.801
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(10.398.925.325)	(9.647.821.770)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	11.387.023	11.387.023
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>5.175</u></b>	<b><u>4.801</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

### 5.22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Cuối năm	Đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
USD	41.926,62	66.561,80
EUR	300	949,84

## 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

### 6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu:		
Doanh thu bán sản phẩm Carton	1.125.403.350.098	938.016.293.596
Doanh thu bán sản phẩm Offsets	179.832.007.079	163.532.082.244
Doanh thu bán hàng khác	36.220.501.528	29.191.351.142
<b>Cộng</b>	<b><u>1.341.455.858.705</u></b>	<b><u>1.130.739.726.982</u></b>

Trong đó, doanh thu đối với các bên có liên quan  
- Xem thêm mục 9:

Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	9.394.152.160	8.194.644.020
---	---------------	---------------

### 6.2. Giá vốn hàng bán

Chủ yếu là giá vốn thành phẩm đã bán.

### 6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.178.311.691	2.994.339.185
Lãi cho Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai - Công ty mẹ vay	-	935.054.168
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	51.279.954	121.281.508
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	30.762.220	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.260.353.865</u></b>	<b><u>4.050.674.861</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

### 6.4. Chi phí tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay ngân hàng	10.208.062.923	11.648.613.907
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.303.795.032	1.108.143.143
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	281.359.505
<b>Cộng</b>	<b><u>12.511.857.955</u></b>	<b><u>13.038.116.555</u></b>

### 6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên bán hàng	23.790.613.226	22.551.872.624
Chi phí vận chuyển	30.463.492.283	26.988.170.285
Chi phí khác	7.808.182.274	7.285.578.744
<b>Cộng</b>	<b><u>62.062.287.783</u></b>	<b><u>56.825.621.653</u></b>

### 6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	10.472.679.555	7.807.704.958
Chi phí vật liệu quản lý	181.025.513	122.314.150
Chi phí đồ dùng văn phòng	622.693.974	459.390.577
Chi phí khấu hao tài sản cố định	338.094.070	506.286.227
Thuế, phí, lệ phí	342.456.947	116.661.910
Chi phí dự phòng	418.586.676	35.485.016
Chi phí dịch vụ mua ngoài	995.880.095	1.017.695.055
Chi phí bằng tiền khác	5.186.983.226	5.403.854.334
<b>Cộng</b>	<b><u>18.558.400.056</u></b>	<b><u>15.469.392.227</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**6.7. Thu nhập khác**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu bồi thường	561.477.367	198.927.218
Thu từ bán phế liệu	358.851.925	316.592.094
Hoàn nhập quyết toán thuế TNCN NVKD	-	1.407.326.752
Thu thanh lý tài sản cố định	550.454.545	-
Thu nhập khác	1.332.601.785	936.421.373
<b>Cộng</b>	<b><u>2.803.385.622</u></b>	<b><u>2.859.267.437</u></b>

**6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	999.288.169.337	854.650.542.427
Chi phí nhân công	135.966.057.008	93.092.018.796
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.892.512.867	28.082.321.313
Chi phí dự phòng	418.586.676	35.485.016
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.479.172.319	49.037.803.065
Chi phí bằng tiền khác	28.906.017.506	25.076.901.950
<b>Cộng</b>	<b><u>1.253.950.515.713</u></b>	<b><u>1.049.975.072.567</u></b>

*(Phần tiếp theo ở trang 35)*

## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

### 6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	10.678.612.936	10.469.875.684
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>10.678.612.936</u></b>	<b><u>10.469.875.684</u></b>

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	84.077.336.250	75.408.798.022
Lợi nhuận kế toán Chi nhánh Mỹ Phước	(19.382.906.153)	(11.440.775.912)
Cộng: các khoản điều chỉnh tăng	2.473.738.468	2.498.240.455
Trừ: các khoản điều chỉnh giảm	(39.188.074)	-
Trừ: thu nhập chịu thuế suất 22%	<u>(8.703.798.031)</u>	<u>(7.141.947.131)</u>
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	58.425.182.460	59.324.315.434
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	15%	15%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	8.763.777.369	8.898.647.315
Cộng khoản thuế TNDN từ thu nhập chịu thuế suất 22%	1.914.835.567	1.571.228.369
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b><u>10.678.612.936</u></b>	<b><u>10.469.875.684</u></b>

Khoản lãi phát sinh tại Chi nhánh Mỹ Phước không tính thuế thu nhập doanh nghiệp do chuyển lỗ từ các năm trước của chi nhánh và được trừ khỏi lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm.

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế như:

- Khoản chi thực tế phát sinh không liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.
- Khoản chi không có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.



## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

### 6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Công ty và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	VND		
	Lỗ tính thuế chưa sử dụng	Chi phí trích trước	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	5.845.470.521	-	5.845.470.521
Hạch toán giảm lợi nhuận từ chênh lệch thuế suất TNDN hoãn lại năm 2012 và 2013	(701.456.463)	-	(701.456.463)
Hạch toán là thu nhập trong kết quả kinh doanh trong năm 2014	(2.516.970.701)	1.896.860.164	(620.110.537)
Hạch toán giảm lợi nhuận trong năm 2013	1.637.195.997	-	1.637.195.997
Số dư đầu năm nay	<u>4.264.239.354</u>	<u>1.896.860.164</u>	<u>6.161.099.518</u>
Hạch toán là thu nhập trong kết quả kinh doanh trong năm 2015	(4.264.239.354)	191.684.876	(4.072.554.478)
<b>Số dư cuối năm</b>	<u>-</u>	<u>2.088.545.040</u>	<u>2.088.545.040</u>

### 7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

#### 7.1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	5.542.025.858	15.991.395.694

#### 7.2. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	743.425.017.159	633.474.113.654

#### 7.3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	737.165.513.205	618.217.405.787

## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

### 8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo khu vực địa lý như sau:

- Đồng Nai
- Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

*Đơn vị tính: triệu đồng*

	Đồng Nai		Bình Dương		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu Công ty</b>								
Từ khách hàng bên ngoài	1.174.821	1.014.162	166.561	116.539	-	-	1.341.382	1.130.701
Giữa các bộ phận	152.963	143.061	363.481	290.894	(516.444)	(433.955)	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.327.784</u></b>	<b><u>1.157.223</u></b>	<b><u>530.042</u></b>	<b><u>407.433</u></b>	<b><u>(516.444)</u></b>	<b><u>(433.955)</u></b>	<b><u>1.341.382</u></b>	<b><u>1.130.701</u></b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty</b>								
Lợi nhuận trước thuế, trước thu nhập tài chính, chi phí tài chính và lợi nhuận khác	58.031	64.289	32.667	18.363	-	-	90.698	82.652
Thu nhập tài chính							4.260	4.051
Chi phí tài chính							(12.512)	(13.038)
Lợi nhuận khác							1.631	1.744
Thuế thu nhập doanh nghiệp							(14.751)	(11.090)
<b>Lợi nhuận Công ty sau thuế</b>							<b><u>69.326</u></b>	<b><u>64.319</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**Các thông tin khác***Đơn vị tính: triệu đồng*

	Đồng Nai		Bình Dương		Loại trừ		Tổng cộng	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản của bộ phận	700.560	642.925	214.536	231.923	(156.301)	(205.463)	758.795	669.385
Nợ phải trả của bộ phận	406.162	353.975	27.364	64.134	30.870	(20.188)	464.396	397.921

*Đơn vị tính: triệu đồng*

	Đồng Nai		Bình Dương		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí mua sắm tài sản	43.425	19.306	11.128	17.745	(10.854)	(16.851)	43.699	20.200
Chi phí khấu hao	3.709	3.792	27.184	24.290	-	-	30.893	28.082

Công ty không có báo cáo bộ phận theo ngành nghề vì Công ty hiện chỉ đang hoạt động theo ngành nghề sản xuất bao bì từ giấy, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo ngành nghề cần thiết phải thuyết minh.

*(Phần tiếp theo ở trang 39)*

## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

### 9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

#### Danh sách các bên liên quan

#### Mối quan hệ

- Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai Công ty mẹ
- Ông Lê Quốc Tuyên Giám đốc

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu		
Công ty mẹ - Xem thêm mục 5.2	1.539.029.250	494.779.010

- Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Bán hàng:		
Công ty mẹ - Xem thêm mục 6.1	9.394.152.160	8.194.644.020

- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và thu nhập của Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	1.386.523.377	1.286.376.236
Thu nhập của Giám đốc	932.656.121	832.293.247
<b>Cộng</b>	<b><u>2.319.179.498</u></b>	<b><u>2.118.669.483</u></b>

### 10. CÁC NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI CHÍNH

Công ty đang thuê máy in Flexo Sunrise 3 màu, máy in Flexo Sunrise 6 màu, máy đóng gấp dán tự động Buffalo Omega - 28 và máy cắt mẫu Esko Kongsber V24 với thời gian sử dụng ước tính theo hợp đồng thuê tài chính từ 3 năm đến 5 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Từ 1 năm đến 5 năm - Xem thêm mục 5.20	17.976.838.720	18.452.078.643



## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Nghĩa vụ nợ được phân loại theo:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Ngắn hạn	7.356.301.170	5.473.927.251
Dài hạn	10.620.537.550	12.978.151.392
<b>Cộng</b>	<b><u>17.976.838.720</u></b>	<b><u>18.452.078.643</u></b>

### 11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

### 12. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 26 tháng 02 năm 2016.

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BP. TÀI CHÍNH

GIÁM ĐỐC



LÝ PHÁT

NGUYỄN HOÀNG

LÊ QUỐC TUYÊN

**Phụ lục 1: Chi tiết số dư các khoản công nợ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015**

**1. Phải thu khách hàng:**

	<b>Số tiền</b>
Công ty Liên Doanh Unilever Việt Nam	67.801.091.142
Công ty TNHH Nestle Việt Nam	15.282.936.119
Công ty Cổ phần Công nghiệp MASAN	14.360.746.774
Chi nhánh Công ty Pepsico Việt Nam tại Tỉnh Đồng Nai	12.719.549.856
Công ty Frieslandcampina Việt Nam	12.517.474.850
Công ty Pepsico Việt Nam	12.145.662.688
Công ty TNHH NGK Coca – Cola Việt Nam	7.687.111.318
Công ty Kimberly – Clark Việt Nam	6.680.675.940
Công ty Cổ phần Uniben	6.615.186.876
Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	6.418.089.403
Khác	119.663.630.642
<b>Cộng</b>	<b><u>281.892.155.608</u></b>

**2. Phải trả người bán:**

	<b>Số tiền</b>
Công ty TNHH Xưởng Giấy Chánh Dương	42.658.901.615
Công ty TNHH Hiang Seng Fibre Container	37.192.368.902
Công ty TNHH Vina Kraft Paper	23.920.203.184
Công ty Cổ phần Giấy An Bình	21.929.880.170
Công ty TNHH Giấy Bình Chiểu	5.215.859.660
Công ty TNHH Sakata Inx Việt Nam	4.014.938.180
Công ty TNHH Thiết bị Chén bản Điện tử Thăng Long	2.982.000.000
Công ty TNHH SX TM Tân Đông Dương	2.472.149.900
Khác	22.499.360.410
<b>Cộng</b>	<b><u>162.885.662.021</u></b>